Bộ Xây dựng
28-06-2023
17:10:00 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 252 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13/6/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng,

Mã số thuế: 5700656685

Địa chỉ: Tổ 15, Khu 4, Phường Hùng Thắng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 15, Khu 4, Phường Hùng Thắng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 558**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Giấy chứng nhận số 26/GCN-BXD ngày 26/6/2018 và số 720/GCN-BXD ngày 29/10/2018 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng;
- Sở Xây dựng Quảng Ninh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 558

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 252/GCN-BXD, ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	**Thử nghiệm cơ lý xi măng**	
	Xác định Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; ASTM C188-17, C204-18; AASHTO T133, T53, T192
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109/ C109M- 16a; ASTM C348- 14; ASTM C349- 14
	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191; AASHTO T131-15
	Xác định độ nở sunphát của xi măng	TCVN 6068:2004
	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
2	**Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022;ASTM C143/ C143M-15a; AASHTO T119-13
	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107: 2022
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138/ C138M-17a; AASHTO T121-11
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232/C232M-14; AASHTO T158-15
	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022;ASTM C642-13
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022;ASTM C643-13;
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C418-12;
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022;ASTM C418-12; ASTM C418-12;
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8:09
	Xác định độ co của bê tông.	TCVN 3117:2022; ASTM C157-08;
	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-18
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78/C78M-16;ASTM C293/ C293M-16; AASHTO T97-03, T177-17
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM C496/ C496M-17; AASHTO T198-15
	Xác định hàm lượng Sunfate trong bê tông	TCVN 9336: 2012
	Xác định thời gian đông kết của bê tông; độ chảy xoè.	TCVN 9338:2012; ASTM C40/403M3-16; AASHTO T179-15;
	Mô dun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469-94
	Xác định độ pH của hỗn hợp bê tông	TCVN 9339:2012
	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông.	TCVN 9340:2012; ASTM C1964-05/C1611-14/C1040-08; AASHTO T309-11/A 1150:07

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định cường độ bê tông bằng PP nén mẫu khoan từ cấu kiện.	ASTM C42
3	**Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa**	
	Xác định thành phần hạt và môdun độ lớn; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng; Xác định độ ẩm; xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và độ hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn, Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn, Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi); Xác định hàm lượng Mica; Xác định khả năng phản ứng kiềm silic (Phương pháp B); Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ; Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572:2006, ASTM C136, AASHTO T27, ASTM C127, C128, ASTM C29, AASHTO T19, ASTM C70, C566, AASHTO T142, ASTM C117, C142, AASHTO T112
	Xác định hệ số ES	ASTM D 2419-08, AASHTO T176
	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883
	Cốt liệu nhẹ cho Bê tông- sỏi, dăm sỏi và cát Keramzit: Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích; độ bền xi lanh; khối lượng mất khi đun sôi; độ hút nước; độ ẩm	TCVN 6221:97
4	**Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100-10;ASTM D854-10
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-10;AASHTO T90-08; ASTM D4318-10
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; AASHTO T88-10;ASTM D1140-14
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080-04; AASHTO T190
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; AASHTO T216, T297
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm và độ chặt đất đá dăm.	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; AASHTO T99, T180, T199; ASTM D1557-09/ASTM D698;ASTM D1557
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) phương pháp dao vòng và dầu hoả.	TCVN 4202:2012; ASTM D698; AASHTO T99
	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm.	22TCN 332:06; AASHTO T193-10, ASTM D1883-07; ASTM D1883
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D 2579:78
	Đất gia cố xi măng, cường độ kháng ép	22TCN59:84
	Xác định modun đàn hồi, vật liệu gia cố chất kết dính vô cơ	22TCN59:84
	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu dạng hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN8862:2011
5	**Thử nghiệm vật liệu kim loại, liên kết hàn**	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ASTM A370; AASHTO T68
	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370
	Thép cốt bê tông – Phương pháp uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo	TCVN 5403:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Xác định độ cứng kim loại – Phương pháp Brinell	TCVN 256:2006; ASTM E18-18a;
	Xác định độ cứng kim loại – Phương pháp Rockwell	TCVN 257:2007; ASTM E10-18
	Thử cường độ kéo của bu lông, Vít, vít cấy và đai ốc	TCVN 1916:95; ASTM A370:17a; ASTM F606/ F606M-16; E 488;
	Cáp dự ứng lực: Thử kéo cáp có D<12,7mm	ASTM A 1061-16; ISO 10635:19
	Thử kéo cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn	TCVN 10952: 2015; ASTM A 370: 17a;
	Thử kéo đồng bộ thép thanh dự ứng lực	TCVN 11243:2016
	Nêm, neo xác định: kích thước; Độ nhám; Độ cứng	TCVN 10568: 2017
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn, phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018; TCVN1548:1987
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn, phương pháp hạt từ	TCVN 4396:2018
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn, phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018
	Kiểm tra chất lượng bề mặt, kích thước mối nối bằng ống ren; Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009; ISO 15835-2:18
	Vật liệu kim loại thử nén ống, áp lực ống trong xây dựng dân dụng	TCVN 1830:2008; AASHTO T280:94,ASTM A 500-10,ASTM; 501:07; ASTM A53:12
	Thử nghiệm khả năng chịu tải của nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333:2014
6	**Thử nghiệm hiện trường**	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	TCVN 12791:2020; ASTM D 2937-17 e2; AASTHO T204-17
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:12; TCVN 8729: 12; 22TCN 346:2006
	Thử nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821: 2011
	Xác định mô đun đàn hồi "E" của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T256:01
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; E1082
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96
	Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-96
	XĐ mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D4395:17
	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:12; ASTM C805/C805M-13a
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:2012
	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012; ASTM E455 -04; ASTM E529-04
	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông, khả năng bám dính của thép với bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đổ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:12
	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan	TCVN 9148:2012
	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149:2012
	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Thử nghiệm cọc bê tông ly tâm ứng lực trước: Kiểm tra Khuyết tật, ngoại quan, kích thước và nhãn mác; Độ bền uốn nứt thân cọc; Độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục; Khả năng bền cắt thân cọc; Độ bền uốn gãy thân cọc	TCVN 7888:2008
	Thử nghiệm cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Kích thước, mức sai lệch cho phép; Kiểm tra ngoại quan và khuyết tật cho phép; Xác định sức chịu tải đầu cọc;	TCVN 5847: 2016
	Cống bê tông cốt thép thoát nước; Gối cống,Kiểm tra: Khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ vuông góc; Khả năng chịu tải và độ thấm nước	TCVN 9113 : 2012; TCVN 9116: 2012; TCVN 10799: 2015; ASTM C497-18b;
	Bó vỉa bê tông đúc sẵn, Xác định : kích thước, khuyết tật ngoài quan; Khả năng chịu tải	TCVN 10797: 2015
	Thử nghiệm bentonite: Khối lượng riêng; Độ ổn định; Độ nhớt phễu Marsh; Độ pH; Lực cắt tĩnh; Hàm lượng cát; Độ dày áo sét; Lượng tách nước; Tỷ lệ chất keo.	TCVN 11893:2017; TCVN 9395:2012
7	**Thử nghiệm vữa xây dựng**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn; XĐ độ hút nước của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2022; ASTM C109/C109M
	Thử nghiệm độ chảy của hỗn hợp vữa	ASTM C939
8	**Vữa bền hóa gốc polymer**	
	Vữa bền hóa gốc Polyme, xác định: Độ bền nén; Độ bám dính	TCVN 9080 : 2012
	Vữa – Keo dán gạch: Thời gian mở, Độ trượt, Cường độ bám dính khi cắt, Cường độ bám dính khi kéo, Biến dạng gang, Độ bền hóa; Cường độ uốn và nén, Độ hút nước, Độ co ngót, Độ chịu mài mòn, Độ bền hóa.	TCVN 7899:2008
	Xác định các tính chất cơ lý của vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài mẫu vữa đóng rắn.	TCVN 9204:2012
	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục trên sàng; Xác định độ chảy; Xác định độ chảy lan tỏa; Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng; Xác định thời gian đông kết; Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018
9	**Phân tích hóa nước cho xây dựng**	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định nhiệt độ của nước	TCVN 1390:2002
	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
10	**Thí nghiệm bê tông nhựa**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm; thành phần hạt; tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; độ chảy nhựa; độ góc cạnh của cát; hệ số độ chặt lu lèn; độ rỗng cốt liệu; độ rỗng dư; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:11; ASTM D2172, AASHTO T164 ; ASTM D2041, AASHTO T209-90
	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:11
	Hỗn hợp BTN nóng- Xác định thành phần theo PP MarShall	TCVN 8820:11
11	**Thí nghiệm nhựa đường- nhựa đường lỏng**	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; ASTM D5-13 AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D 113-17 AASHTO T51
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D 36-00 AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:2011 ASTM D 92-16b; AASHTO T48
	Xác định tổn thất khối lượng	ASTM D1754
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 165^0c	TCVN 7499:05; ASTM D 6-00; AASHTO T47
	Xác định lượng hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:05; ASTM D 2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D 70-03; AASHTO T228
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
	Xác định hàm lượng nước; Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818:2011; ASTM D 95
	Độ đàn hồi; độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN 319:04; ASTM D6084
12	**Thử nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa**	
	Xác định: Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước;Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58: 1984; AASHTO T100
13	**Gạch xây đất sét nung, xác định**	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; cường độ bền nén; cường độ bền uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích, khối lượng riêng; độ rỗng; vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355:2009, ASTM C67-12; AASHTO T32-10
14	**Gạch bê tông, xác định:** Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ bền nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140/ C140M-18
15	**Gạch bê tông tự chèn, xác định:** Kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, độ chịu mài mòn	TCVN 6476:2011, ASTM C140-12a

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
16	**Gạch Tezaro:** Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan;Xác định cường độ bên uốn; Xác định độ hút nước bề mặt ;Xác định độ mài mòn sâu; Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:13
17	**Gạch lát xi măng, granito, xác định:** Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ hút nước; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt; độ mài mòn	TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995
18	**Thử nghiệm ngói lợp, Xác định:** kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Tải trọng uốn gẫy; Thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m2 ngói ở trạng thái bão hoà nước.	TCVN 4313:1995
19	**Thử nghiệm gạch Ốp lát- Đá ốp lát tự nhiên/ Nhân tạo:** Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy; Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; Xác định sự khác biệt nhỏ về màu; Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415:2016; ISO 10545-5: 1994
20	**Thử nghiệm đá ốp lát tự nhiên, Xác định**: Sai lệch kích thước, hình dạng; chất lượng bề mặt; Độ hút nước và khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn bề mặt;	TCVN 4732:2016
21	**Thử nghiệm đá ốp lát nhân tạo, Xác định**: Sai lệch kích thước, hình dạng; chất lượng bề mặt; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ mài mòn sâu; Độ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs;	TCVN 8057:2009
22	**Thử nghiệm kính xây dựng**	
	Kính tấm xây dựng- Xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7219:2002
	Kính tấm vân hoa- Xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7527:2005
	Kính dán nhiều lớp, kính dán nhiều lớp chịu lực- Xác định: kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7364-6:2018
	Kính phủ bức xạ thấp- Xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 9808:2013
	Kính tôi nhiệt- Xác định: Độ bền va đập bi rơi; Va đập con lắc; Kiểm tra phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013; TCVN 7368:2013
23	**Thử nghiệm vải địa, lưới địa kỹ thuật và bấc thấm**	
	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:2010
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
	Xác định: Lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang; Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng thanh; Áp lực kháng bục; Kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871:2011
	Bấc thấmXác định khối lượng trên đơn vị thể tích	ASTM D3776
	Bấc thấm Xác định độ dày tiêu chuẩn/ danh định	TCVN 8220:2009;ASTM D5199
	Lưới địa kỹ thuật-Cường độ chịu kéo; Độ dãn dài	ASTM D6637
24	**Thử nghiệm cơ lý của tấm trải, màng chống thấm và vật liệu chống thấm**	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định: Lực kéo đứt và độ dãn dài; Độ bền chọc thủng và Kháng va đập; Độ bền nhiệt	TCVN 9067:2012; ASTM D2523; ASTM D5636:98; ASTM D5147; ASTM D4551
	Màng chống thấm Lực kéo đứt và độ dãn dài	ASTM D6693
	Màng chống thấm - Khối lượng riêng.	ASTM D792
	Vật liệu chống thấm – Sơn bitum cao su, xác định: Độ mịn, độ nhớt qui ước, độ phủ màng sơn, thời gian khô, độ bền uốn, độ bám dính màng sơn trên nền bê tông, độ xuyên nước	TCVN 6557:2000
25	**Thử nghiệm Bột bả tường gốc xi măng Poóc lăng, Xác định:** Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính,	TCVN 7239:2014
26	**Chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông:** Xác định độ nhớt; Xác định độ chảy sệ; Xác định độ dính kết; Xác định độ hấp thụ nước	TCVN 7952: 2008
27	**Thử nghiệm vật liệu chứa sợi tổng hợp**	
	Thử nghiệm cơ lý tấm sóng PVC: Kích thước, hình dạng, khuyết tật ngoại quan, dung sai, độ bền dạng sóng, độ bền tải trọng rơi và tĩnh	TCVN 5819:94
	Thử nghiệm cơ lý tấm Amiăng xi măng: Kích thước, hình dạng, khuyết tật ngoại quan, dung sai, độ bền dạng sóng, độ bền tải trọng rơi và tĩnh	TCVN 4435:2000
	Thử nghiệm cơ lý tấm xi măng sợi: Kích thước, hình dạng, khuyết tật ngoại quan, dung sai, độ bền dạng sóng, độ bền tải trọng rơi và tĩnh	TCVN 8529:2009
28	**Thử nghiệm thạch cao- Khung xương trần thạch cao**	
	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon; Xác định độ cứng gờ, lõi cạnh; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhổ đinh; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257:2009
	Xác định kích thước độ vuông góc, độ thẳng cạnh, thử tải khung trần treo	ASTM C635:13
29	**Thử nghiệm sơn Alkali, sơn tường, sơn nhũ tương**	
	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
	Xác định thời gian chảy	TCVN 2092:2013
	Xác định hàm lượng chất rắn	TCVN 2093:1993
	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
	Xác định trạng thái khô hoàn toàn và thời gian khô hoàn toàn	TCVN 2096:2015
	Phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015
	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:2013
	Xác định màu sắc theo phương pháp so sánh trực quan	TCVN 2102:2008
	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012
	Xác định độ bền nước; Xác định độ bền kiềm; Xác định độ bền rửa trôi; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653 :2012
30	**Thử nghiệm cơ lý Gỗ xây dựng**	
	Xác định sai lệch kích thước	TCVN 7490: 2005
	Xác định độ bền tách	TCVN 8047: 09
	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046: 09
	Xác định độ ẩm; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn tĩnh; Xác định mô đun đàn hồi uốn; Xác định độ bền	TCVN 8048:09

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	nén vuông góc với thớ; Xác định độ bền kéo song song, vuông góc với thớ; Xác định độ bền cắt; Xác định độ co rút thể tích; Xác định độ giãn nở thể tích	
31	**Thử nghiệm Ván, sàn gỗ nhân tạo**	
	Gỗ dán- Xác định dung sai kích thước	TCVN 11900: 2017
	Xác định Kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh	TCVN 11904: 2017
	Xác định độ ẩm	TCVN 11905: 2017
	Độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 12445:2018
	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh; Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván; Xác định độ bền ẩm; Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756:2007
32	**Thử nghiệm ống nhựa PVC, HDPE, vật liệu nhựa, băng cản nước, phụ kiện**	
	Kiểm tra kích thước	TCVN 6145: 2007; ISO 3126: 2005
	Xác định độ bền kéo, uốn	TCVN 7434:2004; ISO 527; ISO 178
	Thử nén biến dạng, độ cứng	TCVN 4502:2008; ISO 9969:2007; ISO 868
	Xác định: Độ bền hóa chất; Độ cứng Shore A; Khối lượng riêng.	TCVN 9407:2014; ISO 4433:1997; ISO175
	Độ bền nhiệt	TCVN 6147:2003; ASTM D1525
	Kích thước, độ cứng, độ bền hóa chất ống nhựa gân xoắn	TCVN 9070:2012
	Xác định nhiệt độ hoá mềm Vicat	TCVN 6147: 2007
	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148: 2007
	Xác định độ bền áp suất	TCVN 6149: 2009; ISO 1167: 2007
	Thử độ kín bằng áp lực	TCVN 6040: 1995
	Thử độ kín bằng áp suất thuỷ lực bên ngoài	TCVN 6041: 1995
	Băng chắn nước PVC Xác định độ bền kéo	JIS K 7113:1995 (a)
33	**Dây cáp điện, dây thông tin, ống luồn dây, thang máng cáp trong xây dựng dân dụng**	
	Đo chiều dày và kích thước ngoài - Xác định đặc tính cơ vỏ bọc cách điện	TCVN 6614-1: 2008
	Điện trở cách điện.	TCVN 6610-2: 2007
	Đo điện trở ruột dẫn	TCVN 5935:2013; TCVN 6610-2: 2007
	Đo đường kính và dung sai dây đồng.	TCVN 5933: 1995; TCVN 6612:2007
	Xác định tính chất máng, ống luồn dây và phụ kiện: Kích thước, độ bền nén	IEC 61386

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.